TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN E** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2020/QĐST-HNGĐ	*E, ngày 28 tháng 04 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/03/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A - Sinh năm 1992
Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hoá.
Nơi ở hiện tại: Thôn F, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đinh B- Sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 04 năm 2020

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 04 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị A và anh Đinh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị A và anh Đinh B.

Về con chung: Anh Đinh B trực tiếp nuôi cháu Đinh Thị Thu M – Sinh ngày 10/10/2012 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản

tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Bùi Thị A và anh Đinh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* về việc thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Ngọc đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0006889 ngày 06/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Thanh Hóa, chị Ngọc được nhận lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- UBND xã O;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tân